

UBND PHƯỜNG MŨNG CÁI 3
TRƯỜNG MẦM NON MŨNG CÁI 3



BẢNG CÔNG KHAI THỰC PHẨM HÀNG NGÀY

(Ngày 03 tháng 03 năm 2026)

Sĩ số: 734 trẻ (Trung tâm: 382; Hải Đông: 352 trẻ)

Tiền ăn: 23,520đ

STT	Tên thực phẩm	Đơn giá (đ)	Đơn vị tính	Tổng cộng		Điểm Trung tâm		Điểm Hải Đông	
				Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)	Số lượng	Thành tiền (đ)
Nhóm đi chợ					12.981.500		6.647.000		6.334.500
1	Bánh đa gạo	45.000	Kg	12,0	540.000	6,5	292.500	5,5	247.500
2	Bí đỏ	30.000	Kg	21	630.000	11,5	345.000	9,5	285.000
3	Cải thảo	30.000	Kg	10	300.000	5	150.000	5	150.000
4	Đậu xanh bỏ vỏ	50.000	Kg	1,0	50.000	0,4	20.000	0,6	30.000
5	Hành khô	60.000	Kg	0,9	54.000	0,5	30.000	0,4	24.000
6	Hành lá	45.000	Kg	1,3	58.500	0,7	31.500	0,6	27.000
7	Hạt sen khô	200.000	Kg	0,2	40.000	0,1	20.000	0,1	20.000
8	Mỡ lợn sống	50.000	Kg	3,5	175.000	2	100.000	1,5	75.000
9	Rau mùi	85.000	Kg	1,4	119.000	0,8	68.000	0,6	51.000
10	Ruột nõg biên	330.000	Kg	4,0	1.320.000	2	660.000	2	660.000
11	Thịt ghe bóc nõn	550.000	Kg	2,5	1.375.000	1,3	715.000	1,2	660.000
12	Thịt lợn nạc	130.000	Kg	32,0	4.160.000	16	2.080.000	16	2.080.000
13	Tim lợn	370.000	Kg	1	370.000	0,5	185.000	0,5	185.000
14	Tôm nõn	220.000	Kg	9,5	2.090.000	5	1.100.000	4,5	990.000
15	Xương lợn	85.000	Kg	20,0	1.700.000	10	850.000	10	850.000
Nhóm xuất kho					4.282.000		2.337.500		1.944.500
1	Gạo tẻ	20.000	Kg	58,5	1.170.000	32,5	650.000	26	520.000
2	Nước mắm Nam Ngư	70.000	Lít	1,0	70.000	0,5	35.000	0,5	35.000
3	Muối iốt tinh	15.000	Kg	0,8	12.000	0,5	7.500	0,3	4.500
4	Dầu ăn meizan	60.000	Kg	4,5	270.000	2,5	150.000	2	120.000
5	Sữa Meta Care Kinder	230.000	Kg	12,0	2.760.000	6,5	1.495.000	5,5	1.265.000
Tổng chi					17.263.500		8.984.500		8.279.000
Tổng thu					17.263.680		8.984.640		8.279.040
Tồn ngày hôm trước					(220)		520		-740
Thừa (Thiếu)					(40)		660		-700

734	23.520
382	
352	

30 705600